

Khảo sát thực trạng việc sử dụng dạng thức trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận trong kiểm tra tiếng Pháp ở trung học phổ thông khu vực phía Bắc Việt Nam

Đỗ Quang Việt*

*Trung tâm NCGDNN&ĐBCL, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN,
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 31 tháng 1 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 3 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 3 năm 2014

Tóm tắt: Với tư cách là một bộ phận cấu thành và có tác động phản hồi tới quá trình dạy-học, kiểm tra đánh giá (KTĐG) bao gồm nhiều thành tố có mối quan hệ qua lại: mục tiêu KTĐG, chuẩn kiến thức và kỹ năng, các hoạt động KTĐG, các dạng thức kiểm tra (trắc nghiệm khách quan/trắc nghiệm tự luận), cấu trúc, thời lượng, độ tin cậy, tính giá trị, hệ số điểm, trọng số điểm các bài kiểm tra ...

Bài viết này tập trung mô tả và phân tích thực trạng việc sử dụng dạng thức trắc nghiệm khách quan/trắc nghiệm tự luận trong kiểm tra tiếng Pháp ở 06 trường trung học phổ thông (THPT) khu vực phía Bắc Việt Nam để tìm ra những tồn tại, đề xuất các giải pháp khắc phục nhằm sử dụng hợp lý tối ưu các dạng thức này trong kiểm tra ngoại ngữ ở THPT, phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

Từ khóa: Đánh giá (ĐG), kiểm tra (KT), kiểm tra đánh giá (KTĐG), trắc nghiệm khách quan (TNKQ), trắc nghiệm tự luận (TNTL), kiểm tra thường xuyên (KTTX), kiểm tra định kì (KTĐK).

1. Đặt vấn đề

Tiếp theo bài viết “Khảo sát thực trạng các hoạt động kiểm tra tiếng Pháp ở trung học phổ thông khu vực phía Bắc Việt Nam” [1], bài viết này là công bố thứ hai kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ (KH-CN) cấp ĐHQGHN trọng điểm, mã số QGTĐ.09.09 do TS. Đỗ Quang Việt là chủ trì đề tài. Đề tài đã

được nghiệm thu cấp ĐHQGHN ngày 25/05/2012.

Mục đích của bài viết là tìm lời giải đáp cho giả thuyết khoa học: Ti trọng sử dụng dạng thức TNKQ/TNTL chưa hợp lý và chưa thống nhất trong các bài KT ngoại ngữ ở THPT là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng học sinh (HS) THPT yếu kém về các kỹ năng nói và viết bằng ngoại ngữ cũng như yếu kém về các mức độ tư duy bậc cao (phân tích, tổng hợp, đánh giá). Trên cơ sở những quan điểm mới về KTĐG, tác giả bài viết tập trung

*ĐT.: +84-903249821

Email: quangvietdo@yahoo

mô tả, phân tích thực trạng việc sử dụng dạng thức TNKQ và TNTL trong KT môn tiếng Pháp ở các trường THPT trên địa bàn 03 tỉnh/thành phố (Hà Nội, Ninh Bình, Vĩnh Phúc) để kiểm chứng cho giả thiết khoa học trên đây. Kết quả nghiên cứu sẽ cho phép nhóm nghiên cứu (NNC) đề xuất các giải pháp khắc phục, nhằm góp phần cải thiện tình hình và đổi mới KTĐG phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế của giáo dục Việt Nam.

Để đạt được mục tiêu kể trên, NNC tập trung vào các nội dung sau:

- Dạng thức TNKQ và TNTL và tỉ trọng của chúng trong các bài KT tiếng Pháp theo các khối lớp 10, 11, 12 tại các trường THPT chuyên và không chuyên;

- Dạng thức TNKQ và TNTL và tỉ trọng của chúng trong các HĐKT thường xuyên và định kì tại các trường THPT chuyên và không chuyên;

- Nhận thức của GV và HS THPT đối với dạng thức TNKQ/TNTL được sử dụng trong KT tiếng Pháp.

NCC sử dụng phương pháp thu thập các bài kiểm tra có sẵn kết hợp với điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn để kiểm chứng lại các kết quả nghiên cứu định lượng. Khi xử lí và phân tích số liệu, NCC sử dụng phương pháp thống kê, mô tả, phân tích, so sánh tổng hợp số liệu về dạng thức TNTL và TNKQ trong các bài KT thu thập được ở các trường THPT.

2. Một số tiền đề lý luận

Trước khi trình bày thực trạng việc sử dụng dạng thức TNKQ và TNTL trong KT tiếng Pháp ở THPT, chúng tôi muốn làm rõ một số khái niệm, thuật ngữ được sử dụng trong khuôn khổ chuyên đề.

Trước hết cần phân biệt giữa TNKQ với TNTL. Nhiều tác giả đã luận bàn về hai khái niệm cơ bản này, nhưng chúng tôi lựa chọn quan điểm của Quentin Stodola và Kalmer Stordahl [2], vì thấy nó tường minh, phù hợp và dung hòa được các quan điểm khác nhau.

2.1. Trắc nghiệm khách quan

Theo Quentin Stodola và Kalmer Stordahl [2], bài trắc nghiệm được gọi là khách quan vì hệ thống cho điểm là khách quan chứ không chủ quan như đối với bài TNTL. Thông thường có nhiều câu trả lời được cung cấp cho mỗi câu hỏi của bài trắc nghiệm nhưng chỉ có một câu là câu trả lời đúng hay câu trả lời tốt nhất. Bài TNKQ được chấm điểm bằng cách đếm số lần mà người làm trắc nghiệm đã chọn được câu trả lời đúng trong số những câu trả lời đã được cung cấp. (Một số cách chấm điểm còn cả sự phạt điểm do đoán mò – ví dụ như trừ đi một tỉ lệ nào đó của số câu trả lời sai đối với số câu trả lời đúng). Có thể coi là kết quả chấm điểm sẽ như nhau không phụ thuộc vào việc ai chấm bài trắc nghiệm đó. Thông thường một bài TNKQ gồm nhiều câu hỏi hơn là một bài TNTL, và mỗi câu hỏi được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản.

Nội dung của một bài TNKQ cũng có phần chủ quan theo nghĩa là nó đại diện cho một sự phán xét của một người nào đó về bài trắc nghiệm. Chỉ có việc chấm điểm là khách quan. Có một số loại hình câu hỏi và các thành tố của bài trắc nghiệm được sử dụng trong khi viết một bài TNKQ: câu hỏi nhiều lựa chọn (MCQ), câu ghép đôi, câu hỏi đúng-sai (T/F), câu điền khuyết.

2.2. Trắc nghiệm tự luận

Theo Quentin Stodola và Kalmer Stordahl [2], TNTL là dạng thức cho phép có sự tự do

tương đối nào đó để trả lời một vấn đề được đặt ra, nhưng đồng thời lại đòi hỏi học sinh phải nhớ lại hơn là nhận biết thông tin, phải biết sắp xếp và diễn đạt ý kiến của họ một cách chính xác và sáng sủa. Bài TNTL trong một chừng mực nào đó được chấm điểm một cách chủ quan và các điểm cho bởi những người chấm khác nhau có thể không thống nhất. Thông thường

một bài TNTL gồm ít câu hỏi hơn là một bài TNKQ do phải cần nhiều thời gian để trả lời mỗi câu hỏi.

Đánh giá những đặc tính và ưu/nhược điểm của hai dạng thức trắc nghiệm này, Nguyễn Phú Tuấn [3], cung cấp cho chúng ta bảng tổng hợp sau:

Bảng 1. Tổng hợp các ưu/nhược điểm của dạng thức TNKQ và TNTL

(1)	TNKQ (2)	Trắc nghiệm TNTL (3)
	<i>Ưu điểm:</i>	<i>Nhược điểm:</i>
1	Bài KT có rất nhiều câu hỏi nên có thể KT được một cách hệ thống và toàn diện kiến thức, kỹ năng của HS, tránh được dạy tù, học tù.	Bài KT chỉ có một số câu hỏi nên chỉ có thể KT được một phần kiến thức và kỹ năng của HS, dễ gây hiện tượng dạy tù, học tù.
2	Có thể KT đánh giá trên diện rộng trong một thời gian ngắn.	Mất nhiều thời gian để tiến hành KT trên diện rộng.
3	Chấm bài nhanh, chính xác, khách quan.	Chấm bài mất nhiều thời gian khó chính xác và khách quan
4	Tạo điều kiện để HS tự đánh giá kết quả học tập của mình một cách chính xác.	HS khó có thể tự đánh giá chính xác kết quả học tập của mình.
5	Sự phân phối điểm trên diện rộng, nên có thể phân biệt rõ ràng trình độ HS.	Sự phân phối điểm trên diện hẹp, nên khó có thể phân biệt được rõ ràng trình độ HS.
6	Có thể sử dụng các phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả KT của HS.	Không sử dụng được phương tiện hiện đại trong chấm bài và phân tích kết quả học tập của HS.
	<i>Nhược điểm:</i>	<i>Ưu điểm:</i>
1	Không hoặc rất khó đánh giá khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ của HS.	Có thể đánh giá được khả năng diễn đạt, sử dụng ngôn ngữ của HS.
2	Không góp phần cho việc rèn luyện khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của HS.	Góp phần rèn luyện cho HS khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến của mình.
3	Chỉ giới hạn sự suy nghĩ của HS trong một phạm vi xác định, do đó hạn chế việc đánh giá khả năng sáng tạo của HS.	Có điều kiện để HS bộc lộ khả năng sáng tạo, do đó có điều kiện để đánh giá khả năng sáng tạo của HS.
4	Biên soạn khó, tốn nhiều thời gian.	Biên soạn không khó, tốn ít thời gian.

Có thể thấy, ưu điểm của TNKQ lại là nhược điểm của TNTL và ngược lại. Vì vậy không nên chỉ dùng một loại nào, mà phải kết

hợp hợp lý giữa hai hình thức TNKQ và TNTL trong dạy học ngoại ngữ.

2.3. Điều tra bằng bảng hỏi

Theo Campenhoudt et Quivy R. (1986:181) [4], điều tra bằng bảng hỏi là thiết lập một hệ thống các item/câu hỏi để hỏi các nghiệm thể thông qua một phần đại diện của các nghiệm thể đó về nhận thức, ý kiến, thái độ, sự mong đợi và quan điểm của họ liên quan đến tình trạng xã hội, gia đình, nghề nghiệp, ... nhằm thu thập thông tin có ích cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một hiện tượng, một vấn đề.

2.4. Phỏng vấn

Cũng theo Campenhoudt et Quivy R. (1986:184) [4], phỏng vấn định tính là sử dụng những câu hỏi mở để thu thập thông tin và những suy nghĩ rất phong phú và tinh tế từ các cá nhân/nhóm, nhằm thẩm định lại các thông tin định lượng hoặc thu thập thông tin định tính cần thiết cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một sự kiện hay một quá trình. Ngược lại với điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn có đặc thù là

có sự tiếp xúc trực tiếp giữa nhà nghiên cứu với người được hỏi.

2.5. Nghiệm thể

Trong điều tra khảo sát, nghiệm thể là đối tượng được điều tra phỏng vấn để cung cấp các thông tin định lượng/định tính cần thiết cho việc tìm hiểu, đánh giá một hoạt động, một sự kiện hay một quá trình.

Nội hàm các thuật ngữ liên quan của các tác giả kể trên sẽ là cơ sở cho việc khảo sát hai dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT thu thập được từ các trường THPT.

3. Thực trạng việc sử dụng dạng thức TNTL và TNKQ trong KT tiếng Pháp

Để tìm hiểu thực trạng việc sử dụng dạng thức TNTL và TNKQ trong KT tiếng Pháp ở THPT, bên cạnh việc điều tra bằng bảng câu hỏi và phỏng vấn HS, GV tiếng Pháp, nhóm chuyên đề đã thu thập các bài KT các khối lớp 10, 11, 12 gồm 108 bài.

Bảng 2. Thống kê số bài KT tiếng Pháp thu thập được ở các trường THPT

Trường	Tổng số bài KT	Số bài KT từng khối lớp	
THPT chuyên ngoại ngữ Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN	33	Khối 10	18
		Khối 11	08
		Khối 12	07
THPT chuyên Nguyễn Huệ - Hà Đông – Hà Nội	6	Khối 10	06
		Khối 11	
		Khối 12	
THPT chuyên Lương Văn Tụy – Ninh Bình	42	Khối 10	09
		Khối 11	15
		Khối 12	18
THPT Yên Khánh B – Ninh Bình	05	Khối 10	
		Khối 11	
		Khối 12	05
THPT Bến Tre – Vĩnh Phúc	11	Khối 10	02
		Khối 11	04
		Khối 12	05
THPT Bình Xuyên – Vĩnh Phúc	13	Khối 10	
		Khối 11	
		Khối 12	13

3.1. Dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT tiếng Pháp

3.1.1. Dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT tiếng Pháp ở các trường chuyên

Khối 10

Theo kết quả thống kê, đặc điểm nổi trội trong cấu trúc bài KT các bài KT tiếng Pháp lớp 10 hệ A và hệ B Trường chuyên ngoại ngữ Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN (từ đây trở đi gọi là Trường chuyên ngoại ngữ - Hà Nội) là dạng thức TNTL được sử dụng rộng rãi, chiếm trên 50% số bài tập và tiêu mục câu hỏi trong các bài KTTX và KTĐK.

Ở Trường chuyên Lương Văn Tụy, nếu bài KT 15 phút và cuối kì 2 lớp 10 sử dụng 100% dạng thức TNTL, tỉ lệ bài TNKQ tăng lên rất nhiều so với bài TNTL trong các bài KT 1 tiết.

Trường chuyên Nguyễn Huệ - Hà Đông có xu hướng sử dụng nhiều TNKQ trong các bài KT: 2 bài KT 15 phút chỉ sử dụng dạng thức TNKQ, 4 bài KT một tiết có tỉ lệ TNKQ lớn hơn rất nhiều so với TNTL; các bài tập từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu đều có dạng TNKQ, chỉ có bài diễn đạt viết là dùng dạng thức TNTL.

Khối 11

Trường chuyên ngoại ngữ - Hà Nội: ngược lại với khối lớp 10, tỉ trọng TNKQ/TNTL tăng lên rất nhiều trong các bài KT của khối 11. Chỉ có 1 bài KT 1 tiết là sử dụng câu hỏi TNTL. Đặc biệt, có bài KT cuối kỳ 2 (bài KT số 8) sử dụng 100% TNKQ.

Trường chuyên Lương Văn Tụy: cũng như tình hình của khối lớp 10, dạng thức TNTL được sử dụng nhiều hơn hẳn so với TNKQ trong các bài KT của khối 11. Đối với những bài KT 1 tiết, hình thức TNTL cũng được áp dụng 1 cách tối ưu. Đây là điểm khác biệt của bài KT của trường chuyên Lương Văn Tụy so

với các trường khác. Bài TNTL thường có dạng dịch, viết một đoạn văn bình luận về một vấn đề cho sẵn hoặc viết theo chủ đề, v.v. Các câu hỏi đưa ra không quá khó, không quá đặc biệt, chỉ ở mức trung bình, thích hợp với các HS mới bắt đầu học tiếng Pháp.

Khối 12

Theo kết quả thống kê, đối với các bài KT tiếng Pháp lớp 12 của Trường chuyên ngoại ngữ - Hà Nội, gần như tất cả các bài KT có số lượng bài tập và tiêu mục dưới dạng TNKQ. Những số liệu trên cho thấy Trường chuyên ngoại ngữ - Hà Nội, từ lớp 11 đến lớp 12 có chủ trương cho HS tập luyện nhiều với các dạng thức TNKQ để chuẩn bị tốt cho kì thi THPT và thi đại học.

Trường chuyên Lương Văn Tụy, đa số các bài KTTX (15 phút) sử dụng dạng thức TNTL nhiều hơn TNKQ, trong khi đó các bài KTĐK 1 tiết có trình trạng ngược lại so với các bài KTTX: 75% số bài tập và tiêu mục câu hỏi có dạng TNKQ. Hai bài KT chất lượng đầu năm học, các bài KT giữa và cuối kì có số lượng bài tập và số lượng tiêu mục dưới dạng TNKQ áp đảo so với số lượng bài tập và tiêu mục dưới dạng TNTL. Kết quả thống kê này cho thấy, sang lớp 12, Trường Lương Văn Tụy đã thay đổi hẳn cách thức ra đề KT tiếng Pháp: tăng cường tối đa việc sử dụng dạng thức TNKQ trong các bài KTĐK để giúp HS làm quen và tập luyện nhiều với dạng bài TNKQ trong thi tốt nghiệp và thi tuyển sinh đại học.

Tóm lại, kết quả thống kê cho thấy, ở các trường chuyên, nếu như ở lớp 10, dạng thức TNTL được sử dụng ngang bằng với TNKQ, thì sang lớp 11, số lượng bài tập và số lượng tiêu mục có dạng TNKQ tăng lên một cách đáng kể so với dạng TNTL trong các bài KTTX và

KTĐK. Đến lớp 12 thì TNKQ chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong các bài KT tiếng Pháp. Một vài bài KT tuy có sử dụng kết hợp hai dạng thức TNKQ và TNTL nhưng số lượng bài tập dạng TNTL rất ít, chiếm tỉ lệ rất nhỏ. Các bài TNTL ở đây đơn điệu về loại hình, chủ yếu là chia động từ, chuyển đổi câu, viết 1 đoạn văn theo chủ điểm đã học hoặc dịch sang tiếng Việt, dịch sang tiếng Pháp.

3.1.2. Dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT tiếng Pháp ở các trường không chuyên

NNC chỉ thu thập được các bài KT khối 10, 11 của Trường THPT Bến Tre, các bài KT khối 12 của Trường THPT Bến Tre, THPT Bình Xuyên và THPT Yên Khánh B.

Khối 10

Trường THPT Bến Tre – Vĩnh Phúc : Theo kết quả thống kê, tỉ lệ bài KT có dạng TNTL và TNKQ là tương đương: bài KT 45 phút học kì 1 hoàn toàn sử dụng dạng thức TNTL, bài KT khảo sát chất lượng 60 phút thì hoàn toàn sử dụng dạng thức TNKQ, nhưng tỉ trọng TNTL/TNKQ khác nhau khi xem xét số lượng bài tập và số lượng tiêu mục câu hỏi trong từng bài : bài KT khảo sát chất lượng có số lượng bài tập TNKQ ít hơn số lượng bài tập TNTL của bài KT HK1 với tỉ lệ tương ứng là 2/3, trong khi số tiêu mục câu hỏi TNKQ của bài KT khảo sát chất lượng lại nhiều hơn số lượng tiêu mục câu hỏi TNTL của bài KT HK1 với tỉ lệ tương ứng là 50/20.

Khối 11

Trường THPT Bến Tre – Vĩnh Phúc: Kết quả thống kê cho thấy, bài KT 1 tiết số 1 và bài KT HK1 khối 11 Trường Bến Tre hoàn toàn sử dụng dạng thức TNTL trong khi bài TK 1 tiết số 2 và bài KT cuối kì 2 lại sử dụng 100% TNKQ, nhưng với số lượng các bài tập và các tiêu mục câu hỏi khác nhau : hai bài KT sử

dụng dạng thức TNTL có số lượng bài tập lớn hơn 2 lần so với hai bài KT sử dụng 100% TNKQ với tỉ lệ tương ứng 8/4. Trái lại, số lượng tiêu mục câu hỏi TNKQ lại lớn hơn số lượng tiêu mục câu hỏi TNTL trong các bài KT với tỉ lệ tương ứng là 40/13 và 40/25.

Khối 12

Ở Trường THPT Bến Tre, trong số 5 bài KT lớp 12, chỉ có bài KT HK1 sử dụng dạng thức TNTL với 3 bài tập và 20 tiêu mục câu hỏi. Các bài KT còn lại hoàn toàn sử dụng dạng thức TNKQ với số lượng bài tập là 6 và số lượng tiêu mục câu hỏi là 200. Như vậy, số lượng bài KT cũng như số lượng các bài tập và tiêu mục TNKQ lớn hơn TNTL rất nhiều.

Ở Trường THPT Bình Xuyên, dạng thức TNTL chiếm ưu thế trong các bài KTTX, trái lại, trong các bài KT 1 tiết, dạng thức TNKQ lại chiếm ưu thế. Trong bài KT HK1 và các bài KT chất lượng, dạng thức TNKQ chiếm tỉ lệ tuyệt đối.

Ở Trường Yên Khánh B, tình hình cũng tương tự như hai trường kể trên, trừ bài KT cuối kì 1 sử dụng 100% TNKQ, bốn bài KT còn lại có sự kết hợp giữa TNTL và TNKQ. Tuy nhiên, số lượng các bài tập và tiêu mục TNKQ lớn hơn nhiều so với bài tập và tiêu mục TNTL.

Tóm lại, tình hình sử dụng dạng thức TNTL và TNKQ trong KT tiếng Pháp của các trường không chuyên không có mấy khác biệt so với các trường chuyên đã được phân tích ở phần trên.

Theo kết quả thống kê, nếu như ở lớp 10, dạng thức TNTL được sử dụng tương đối ngang bằng so với TNKQ, thì sang lớp 11, số lượng bài tập và số lượng tiêu mục có dạng TNKQ tăng lên một cách đáng kể so với dạng TNTL trong các bài KT. Đến lớp 12 thì TNKQ chiếm tỉ trọng gần như tuyệt đối trong các bài KT

tiếng Pháp. Nếu như các bài KTTX có tỉ lệ sử dụng dạng thức TNTL cao hơn TNKQ thì các bài KTĐK có tỉ lệ sử dụng TNKQ cao hơn và đặc biệt là các bài KT cuối kì thì TNKQ chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối. Tình trạng này cho thấy xu hướng sử dụng dạng thức TNKQ trong các bài KT tiếng Pháp nói riêng và trong ngoại ngữ nói chung nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế của các đề thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học.

3.1.3. Tổng hợp số liệu về dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT tiếng Pháp

Trong số 108 bài KT tiếng Pháp ở 3 khối lớp 10, 11, 12 của các trường THPT được KS, số lượng bài tập có dạng TNTL là 181 (chiếm 47,8%), số lượng bài tập có dạng TNKQ là 198 (chiếm 52,2%). Số lượng tiêu mục của các bài TNTL là 1333 (chiếm 32,9%), số lượng tiêu mục của các bài TNKQ là 2724 (chiếm 67,1%) của tổng số tiêu mục trong bài KT.

Bảng 3. Thống kê BT và TMCH tiếng Pháp TNTL/TNKQ trong bài KT của 6 trường

Tổng số bài tập : 379		Tổng số tiêu mục : 4057	
TNTL	TNKQ	TNTL	TNKQ
181	198	1333	2724
47,7%	52,3%	32,8%	67,2%

Kết quả thống kê trên cho thấy số lượng dạng bài tập cũng như tiêu mục câu hỏi trong các bài KT sử dụng TNKQ nhiều hơn TNTL tại 6 trường THPT được KS. Nhưng đối với từng trường, tỷ trọng giữa số bài tập TNKQ và

TNTL lại khác nhau. Ở trường Bến Tre – Vĩnh Phúc và chuyên Lương Văn Tụy – Ninh Bình, bài tập dưới dạng TNTL chiếm ưu thế, ở bốn trường còn lại TNKQ lại chiếm ưu thế :

Bảng 4. Kết quả thống kê bài KT tiếng Pháp dạng TNTL/ TNKQ của 6 trường

Các trường	Tổng số bài tập	Tổng số bài TNTL (%)	Tổng số bài TNKQ (%)
Chuyên ngoại ngữ – HN	189	82 (43,4%)	107 (56,6%)
Chuyên Nguyễn Huệ – HN (chỉ có khối 10)	15	4 (26,6%)	11 (73,4%)
Chuyên Lương Văn Tụy – NB	105	68 (64,8%)	37 (35,2%)
Bến Tre – VP	26	14 (53,8%)	12 (46,2%)
Yên Khánh B – NB (chỉ có khối 12)	13	4 (30,8%)	9 (69,2%)
Bình Xuyên – VP (chỉ có khối 12)	31	9 (29%)	22 (71%)

Kết quả tổng hợp số liệu về việc sử dụng dạng thức TNKQ và TNTL trong các bài KT tiếng Pháp cho thấy không có sự thống nhất giữa các trường. Tuy nhiên về tổng thể, tỉ trọng sử dụng dạng thức TNKQ so với TNTL là tương đối phù hợp trong các bài KT.

3.2. Dạng thức TNKQ và TNTL trong KT tiếng Pháp qua điều tra và phỏng vấn

Bên cạnh việc thu thập các bài KT tiếng Pháp ở các trường THPT được KS để tìm hiểu thực trạng việc sử dụng dạng thức TNTL và TNKQ như đã được trình bày trong phần trên,

NNC còn tiến hành điều tra, phỏng vấn HS và GV dạy môn tiếng Pháp ở các trường liên quan.

Bảng kết quả thống kê dưới đây cung cấp

những số liệu về tỉ lệ dạng thức TNTL và TNKQ trong các bài KT tiếng Pháp do HS đưa ra:

Bảng 5. Thống kê bài KT tiếng Pháp dạng TNTL/ TNKQ theo kĩ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ (HS)

Dạng thức	Kỹ năng / Kiến thức				
	Đọc hiểu	Diễn đạt viết	Nghe hiểu	Nói	Từ vựng/ Ngữ pháp
TNTL	5.1	32.2	5.3	47.8	2.4
TNKQ	28.4	30.2	56.8	22.1	37.7
Kết hợp TNTL & TNKQ	66.5	36.9	36.7	27.9	59.9

Theo kết quả thống kê, dạng thức TNTL xuất hiện chủ yếu trong các bài KT nói và viết với tỉ lệ tương đối cao (nói 47,8% và viết 32,2%), dạng thức TNKQ xuất hiện nhiều nhất trong KT kĩ năng nghe (56,8%), tiếp đến là trong KT từ vựng/ngữ pháp (37,7%), rồi đến KT viết (30,2%), đọc (28,4%), nói (22,1%). Trong các bài KT có sự kết hợp giữa hai dạng thức TNTL và TNKQ thì tỉ lệ của dạng thức kết

hợp này (theo thứ tự giảm dần) là đọc (66,5%), từ vựng /ngữ pháp (59,9%), viết (36,9%), nghe (36,7%), nói (27,9%).

Kết quả khảo sát giáo viên đưa ra những số liệu khá tương đồng với đối tượng HS, tuy nhiên các giáo viên được khảo sát cho rằng sự kết hợp giữa TL và TNKQ có tỉ lệ rất cao và ngày càng chiếm ưu thế trong việc thực hiện các hoạt động KTDG.

Bảng 6. Thống kê bài KT tiếng Pháp dạng TNTL/ TNKQ theo kĩ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ (GV)

Dạng	Kỹ năng / Kiến thức				
	Đọc hiểu	Diễn đạt viết	Nghe hiểu	Nói	Từ vựng/ Ngữ pháp
TNTL	6,8	34,5	4,5	51,3	5,6
TNKQ	22,7	13,8	53,7	15,4	24,7
Kết hợp TNTL & TNKQ	70,5	51,7	40,3	30,5	69,7

Nếu so sánh số liệu của hai bảng thống kê tỉ lệ dạng thức TNTL và TNKQ trên đây với số liệu thu được từ việc thống kê thực tế sự xuất hiện của dạng thức TNKQ/TNTL trong các bài KT tiếng Pháp (mục 3.1.3), nhóm nghiên cứu nhận thấy: (1) có sự tương đồng về số liệu, (2) kết quả khảo sát GV và HS tương đối sát thực so với thực tế của các bài KT, (3) dạng thức

TNKQ chiếm một tỉ trọng tương đối lớn so với TNTL. Tuy nhiên, có một vài số liệu qua khảo sát điều tra gây băn khoăn cho nhóm nghiên cứu, ví dụ như tỉ lệ dạng thức TNKQ trong kiểm tra kĩ năng nói: HS đưa ra con số 22,1% và GV đưa ra con số 15,4% là có vấn đề vì không thể dùng dạng thức TNKQ trong kiểm tra kĩ năng nói (theo đúng nghĩa của nó).

Khi được hỏi việc sử dụng dạng thức TNKQ được thực hiện từ năm nào, 59% GV tiếng Pháp cho rằng TNKQ được sử dụng vào năm học 2005-2006, 27,4% GV lựa chọn đáp án trước năm 2005, số còn lại lựa chọn sau năm học 2005-2006.

Bảng 7. Thời gian bắt đầu sử dụng dạng thức TNKQ trong KT tiếng Pháp

Trước 2005	27.4
Năm học 2005 - 2006	59.0
Năm học 2006 - 2007	7.3
Năm học 2007 - 2008	6.3
Tổng	100.0

Số liệu trên đây đã phản ánh tương đối đúng việc triển khai và sử dụng dạng thức TNKQ ở các trường THPT vì trong năm học 2005-2006, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quyết định tổ chức thi TNKQ môn ngoại ngữ cho kỳ thi THPT. Để chuẩn bị cho việc này, Bộ đã có hướng dẫn cho các Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai từ trước năm 2005.

Khi được hỏi về lí do tiến hành KT ngoại ngữ bằng dạng thức TNKQ, 91,2% GV tiếng Pháp cho rằng đó là do chỉ đạo của cấp trên (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo), 76,6% cho rằng do yêu cầu của trường và 53,1% cho rằng do đề nghị của bộ môn ngoại ngữ, số còn lại cho là do cá nhân GV đề xuất hoặc do nhu cầu học tập của HS.

Bảng 8. Lí do tiến hành KT ngoại ngữ bằng TNKQ trong KT tiếng Pháp

Lí do tiến hành KT ngoại ngữ bằng TNKQ	Tỉ lệ
- Chỉ đạo của cấp trên (Bộ, Sở)	91.2
- Yêu cầu của trường	76.6
- Đề nghị của bộ môn ngoại ngữ	53.1
- Cá nhân GV đề xuất	35.9
- Nhu cầu học tập của HS	32.2

Kết quả thống kê trên đây đã phản ánh tương đối sát thực lí do tiến hành KT tiếng Pháp dưới dạng TNKQ ở THPT tuy rằng một vài số liệu cũng cần phải xem xét lại, chẳng hạn như tỉ lệ 32,2% là do nhu cầu học tập của HS.

Trong số những câu hỏi khảo sát GV, NNC đặc biệt quan tâm đến câu hỏi về tỉ lệ TNKQ và TNTL mà GV cho là hợp lí trong KT môn tiếng Pháp ở các trường THPT. 45,6% GV lựa chọn tỉ lệ TNKQ và TNTL là 60% - 40%, 32,3% lựa chọn tỉ lệ TNKQ-TNTL là 50% - 50%, 19,4% lựa chọn tỉ lệ TNKQ và TNTL là 40% - 60%. Kết quả điều tra này tương đối phù hợp với số liệu thống kê về tỉ lệ dạng thức TNKQ và TNTL được sử dụng trong các bài KT tiếng Pháp được mô tả trong mục 3.1.3 trên đây.

Bảng 9. Ý kiến của GV tiếng Pháp về tỉ lệ hợp lí giữa TNTL/TNKQ trong các bài KT

Ý kiến của GV về tỉ lệ TNTL và TNKQ	TNKQ	TNTL
32,3	50%	50%
19,4	40%	60%
45,6	60%	40%
2,7	75%	25%
0	25%	75%

Tóm lại, kết quả điều tra phỏng vấn GV và HS tiếng Pháp trong các trường THPT được KS khẳng định thêm tính sát thực của những số liệu thống kê từ các bài KT thu thập được về việc sử dụng dạng thức TNKQ và TNTL.

4. Một số đề xuất

Trên cơ sở những kết quả thu được qua nghiên cứu khảo sát thực trạng việc sử dụng dạng thức TNKQ và TNTL trong kiểm tra tiếng Pháp ở 6 trường THPT đại diện cho các vùng miền khu vực phía Bắc Việt Nam, NNC đưa ra

một số đề xuất mang tính giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại và bất cập, góp phần cải thiện thực trạng KTNN ở THPT hiện nay.

Những giải pháp mà NNC đề xuất dưới đây sẽ được lần lượt trình bày gồm: tỉ lệ các dạng thức bài tập trong các bài KT ở THPT, xây dựng cấu trúc bài KT, những yêu cầu đối với các tiêu mục câu hỏi bài KT, tham khảo và áp dụng hệ thống chuẩn nước ngoài vào việc biên soạn đề kiểm tra tiếng Pháp ở THPT.

4.1. Tỉ lệ các dạng thức bài tập trong các bài KT ở THPT

Theo NNC, cần phải có những tỉ lệ hợp lí giữa các khối kiến thức, kĩ năng và loại hình bài tập trong KTĐG kết quả học tập của học sinh. Song do điều kiện thời gian, cơ sở vật chất và số lượng GV tại các trường THPT trên thực tế còn hạn chế, NNC đề xuất một tỉ lệ tương đối

và mang tính khả thi dựa trên kết quả phỏng vấn GV ngoại ngữ của các trường THPT được khảo sát. Tỷ lệ dạng thức bài tập và số lượng tiêu mục trên tổng thể như sau : TNKQ : 60%, TNTL: 40%

4.2. Xây dựng cấu trúc bài KT

Trên cơ sở xác định được mục tiêu và nội dung KT, cần xây dựng cấu trúc bài KT. Mỗi loại bài KT phải có cấu trúc riêng. Cấu trúc bài KT phụ thuộc vào 4 yếu tố sau: (1) Loại bài/tiêu loại bài KTTX/KTĐK; (2) Loại hình KT: kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp); kĩ năng ngôn ngữ (đọc, nghe, nói, viết); (3) dạng thức bài tập (TNKQ/TNTL); (4) thời lượng bài KT (15 phút, 45 phút, 60 phút). Cấu trúc khái quát của các dạng bài KT được tóm tắt trong bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng 10. Cấu trúc các bài KTNN ở THPT

	Loại bài KT	Loại hình KT	Dạng thức	Thời lượng làm bài	Thời điểm
KTTX	KT miệng	Nói	TNTL	5-10 phút	Đầu/trong mỗi giờ học
	KT 15 phút	Nghe /hoặc Đọc /hoặc Viết	TNKQ TNKQ TNTL	15 phút	Sau mỗi bài học
	KT mở (*)	bài tập dự án/ hồ sơ bài tập /hợp đồng học tập/ trò chơi...	TNTL		Ngoài giờ học
	KT 1 tiết	Kiến thức ngôn ngữ Đọc Viết	TNKQ TNKQ TNTL	45 phút	Sau mỗi chủ điểm
KTĐK	KT giữa HK	Kiến thức ngôn ngữ Nghe + Nói Đọc + Viết	TNKQ TNKQ+TNTL TNKQ+TNTL	60 phút	Sau 2 chủ điểm
	KT cuối HK	Kiến thức ngôn ngữ Nghe Nói Đọc Viết	TNKQ TNKQ TNTL TNKQ TNTL	60 phút	Sau nhiều chủ điểm
	KT khảo sát đầu năm	Kiến thức ngôn ngữ Đọc + Viết Nghe + Nói	TNKQ TNKQ+TNTL TNTL	60 phút	Đầu năm học

4.3. Những yêu cầu đối với các tiêu mục câu hỏi bài KT

Các bài tập dưới dạng thức TNKQ

Với các bài tập dưới dạng TNKQ cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Mỗi một tiêu mục chỉ để KT một nội dung độc lập, nhằm tránh hiện tượng HS làm sai một nội dung trong tiêu mục sẽ sai liên hoàn hoặc ngược lại;

- Trừ những câu sai yêu cầu HS phát hiện và sửa sai, tất cả các câu đều phải chuẩn mực về ngôn ngữ. Không dùng tiếng lóng hoặc phương ngữ trong đề KT;

- Phải đảm bảo độ nhiễu nhất định giữa các phương án để lựa chọn. Tránh những “ám hiệu” giúp HS có thể dễ dàng chọn đáp án đúng hoặc loại trừ các đáp án sai;

- Đáp án phải rõ ràng và duy nhất. Tránh hiện tượng không có đáp án hoặc có hơn 1 đáp án đúng đối với mỗi tiêu mục.

Dạng thức TNKQ thích ứng cho việc KT các kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) và KT kĩ năng nghe hiểu, đọc hiểu.

Các bài tập dưới dạng thức TNTL

Với các bài tập dưới dạng TNTL cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Chỉ lệnh rõ ràng, tránh mơ hồ không rõ ý ;

- Từ ngữ và cấu trúc trong chỉ lệnh phù hợp với trình độ của HS ;

- Cần có định hướng rõ ràng để nổi bật được nội dung kiến thức và kĩ năng cần KT.

Các bài KT dưới dạng thức TNTL thích ứng cho việc KT kĩ năng nói và viết

4.4. Những yêu cầu đối với việc tham khảo và áp dụng hệ thống chuẩn nước ngoài vào việc biên soạn đề kiểm tra tiếng Pháp ở THPT

Trong dạy học các thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Nhật, Trung Quốc... như tiếng nước

ngoài, việc tham khảo và áp dụng chuẩn quốc tế là một đòi hỏi bức bách và trên thực tế đã được nhiều nước thực hiện. KTĐG, một khâu then chốt của quá trình dạy học, không nằm ngoài tiến trình đó.

Trong khuôn khổ phạm vi đề tài QGTD.09.09, NNC đưa ra đề xuất tham khảo và áp dụng hệ thống chuẩn nước ngoài như một giải pháp mở, nhằm góp phần cải thiện thực trạng việc kiểm tra ngoại ngữ ở THPT. Tuy nhiên, giải pháp này thuần túy mang tính tình thế và phải tuân thủ những nguyên tắc sau đây:

- Đề tài có những giới hạn nghiên cứu hết sức cụ thể, việc đề xuất giải pháp phải xuất phát từ kết quả phân tích thực trạng những tồn tại, bất cập trong kiểm tra ngoại ngữ ở THPT nhằm cải thiện tình hình;

- Việc tham khảo, áp dụng hệ thống chuẩn nước ngoài trong việc biên soạn đề kiểm tra tiếng Pháp ở THPT phải đảm bảo thực hiện trong khuôn khổ nội dung chương trình ngoại ngữ hiện hành do Bộ GD&ĐT ban hành và được cụ thể hóa trong SGK ngoại ngữ THPT.

- Tham khảo và áp dụng hệ thống chuẩn nước ngoài một cách có chọn lọc, linh hoạt, tránh rập khuôn cứng nhắc.

5. Kết luận

Mặc dù số lượng bài KT thu thập được ở các trường THPT chuyên và không chuyên chưa thật đầy đủ, nhưng kết quả thống kê và điều tra phỏng vấn cũng đã phản ánh tương đối rõ thực trạng việc sử dụng dạng thức TNKQ & TNTL và tỉ trọng của chúng trong các bài KT tiếng Pháp ở THPT.

Về tổng thể, dạng thức TNKQ được sử dụng nhiều hơn TNTL trong các bài KT nhưng với một tỉ trọng chung tương đối hợp lí. Tuy

nhiên có những bài KT chỉ sử dụng dạng thức TNKQ, đặc biệt trong các bài KT giữa kì/cuối kì.

Tỉ trọng TNKQ so với TNTL tăng dần theo các khối lớp 10, 11, 12. Có một số bài KT tuy có sử dụng dạng thức TNTL nhưng số lượng bài tập dạng TNTL chưa thật phù hợp với yêu cầu KT kĩ năng giao tiếp (đọc, nói, nghe, viết) và KT kiến thức ngôn ngữ. Các bài TNTL ở đây đơn điệu về dạng thức, chủ yếu là chia động từ, viết câu, chuyển đổi câu, dịch sang tiếng Việt, dịch sang tiếng Pháp, kể lại các sự kiện đã diễn ra... chưa phát huy được tư duy phân tích, tổng hợp của HS THPT. Số lượng tiêu mục TNKQ chiếm tỉ trọng lớn so với TNTL trong các bài KT thu thập được.

Theo NNC, nguyên nhân của tình trạng này là các trường đều muốn HS làm quen và tập luyện nhiều với các dạng đề thi TNKQ để đạt kết quả tốt trong kì thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học môn tiếng Pháp, mà nhiều năm qua Bộ Giáo dục và Đào tạo ra đề 100% dưới dạng TNKQ.

Thực trạng này dẫn đến hệ quả là HS có xu hướng tập trung nhiều hơn đến việc rèn luyện các bài tập có dạng thức TNKQ để đối phó với các kì thi lớn, và như vậy sẽ không đạt được mục tiêu dạy-học ngoại ngữ ở trường phổ thông là « *hình thành và phát triển toàn diện các kỹ năng giao tiếp (nghe-nói-đọc-viết) trong khuôn khổ các chủ đề giao tiếp phù hợp; coi năng lực giao tiếp là mục tiêu dạy học, kiến thức ngôn ngữ, các yếu tố văn hoá, xã hội và các tình huống là phương tiện cần thiết để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp* » [5].

Bên cạnh những số liệu thống kê có tính chất định lượng kể trên, NNC đặc biệt quan tâm, lưu ý đến khía cạnh định tính của các dạng bài TNKQ và TNTL được xem xét. Dưới góc độ giáo dục học, các bài tập KT kiến thức ngôn ngữ và kĩ năng đọc hiểu theo dạng thức TNKQ

được ghi nhận trong các bài KT phần lớn có dạng đúng/sai, MCQ, ghép đôi, điền khuyết, chỉ yêu cầu HS mức độ nhận biết, hiểu và phân nào áp dụng các kiến thức ngôn ngữ đã học. Theo phép phân loại nhận thức của Bloom [6], các dạng bài TNKQ kể trên được xếp ở ba bậc thấp, chưa phát huy được khả năng tư duy bậc cao của HS như phân tích, tổng hợp, đánh giá. Theo phép phân loại kĩ năng của Bloom thì các loại hình bài tập TNKQ này được xếp ở hai mức thấp là tiếp thu (reception) và đáp ứng (response). Đối với các bài tập có dạng thức TNTL, loại hình bài tập nhìn chung là đơn giản và chủ yếu chỉ đòi hỏi khả năng ghi nhớ, và bước đầu áp dụng ví dụ như chia động từ ở thời phù hợp, chuyển đổi câu từ chủ động sang bị động, trực tiếp sang gián tiếp, hoàn thành câu...; còn các bài viết thư, trả lời thư, kể lại những sự kiện đã xảy ra thì HS có xu hướng học thuộc các bài mẫu và chép vào bài KT... Không có các bài luận yêu cầu HS phân tích, bình luận hoặc đánh giá một vấn đề trong cuộc sống hoặc đòi hỏi HS phải đưa ra quan điểm riêng. Đây là những mức độ nhận thức và kĩ năng bậc cao mà HS THPT cần phải được tiếp cận và rèn luyện. NNC cho rằng HS lớp 11 và 12, nhất là ở các trường chuyên, hoàn toàn có khả năng tiếp cận và làm các dạng bài này bằng ngoại ngữ vì hai lẽ: theo chương trình tiếng Pháp (hệ 7 năm), ở lớp 11 và 12 HS có 5-6 năm học tiếng nước ngoài (mỗi năm 105 tiết), như vậy HS có đủ vốn kiến thức và kĩ năng về ngôn ngữ để diễn đạt, mặt khác theo chương trình môn Văn tiếng Việt ở THPT, HS đã được học và làm các loại bài phân tích, bình luận văn học.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đỗ Quang Việt, “Khảo sát thực trạng các hoạt động kiểm tra tiếng Pháp ở trung học phổ thông khu vực phía Bắc Việt Nam”, Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ, tập 27, số 4, 2011, 232-245.

- [2] Quentin Stodola & Kalmer Stordahl, Basic educational tests and measurement, Chicago : Science Research Associates, 1967.
- [3] Nguyễn Phú Tuấn, “Kiểm tra đánh giá kết quả học tập theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh trung học phổ thông”, Kì yếu hội thảo kiểm tra đánh giá đề phát huy tính tích cực của học sinh ở bậc trung học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- [4] Campenhoudt et Quivy R., Manuel de recherche en sciences sociales (Giáo khoa nghiên cứu trong khoa học xã hội), Bordas, Paris, 1986.
- [5] Nguyễn Văn Mạnh, “Nội dung chương trình sách giáo khoa tiếng Pháp THPT (Hệ 7 năm)”, Kì yếu hội thảo khoa học đề tài khoa học-công nghệ cấp ĐHQGHN trọng điểm, mã số QGTĐ. 09. 09, Hà Nội 1/2011.
- [6] Bloom B. S., Taxonomy of Educational Objectives, Handbook I: The Cognitive Domain, New York: David McKay Co Inc, 1956.

A Survey on the Current Situation of the Use of Objective And Subjective Tests in French Testing at High Schools in Northern Vietnam

Đỗ Quang Việt

Language education and Quality assurance reseach Centre, University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi, Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: As a consequential component of the teaching-learning process, testing and assessment include many interrelated elements such as aims, standards of knowledge and skills, testing and assessing activities, testing forms (objective tests/subjective tests), structure, duration, reliability, validity and the score correlation, the weighting of marks of all tests, etc. This article focuses on describing and analyzing the current situation of the use of objective and subjective tests in French testing and assessing at 6 high schools in Northern Vietnam, in order to find out current problems, and to suggest solutions to overcome these problems. The ultimate aim is for these testing forms to be implemented effectively in high school foreign language testing in line with the trend of international integration of Vietnamese education.

Keywords: Assessment, testing, objective tests, subjective tests, continuous testing, periodic testing.